

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (40 câu, từ câu 1 đến câu 40)

Câu 1: Cho phương trình hóa học: $2X + 2NaOH \xrightarrow{CaO, t^0} 2CH_4 + K_2CO_3 + Na_2CO_3$

Chất X là

- A. $CH_2(COONa)_2$. B. CH_3COONa . C. CH_3COOK . D. $CH_2(COOK)_2$.

Câu 2: Thí nghiệm nào sau đây chứng tỏ trong phân tử glucozơ có 5 nhóm hidroxyl?

- A. Thực hiện phản ứng tráng bạc.
B. Cho glucozơ tác dụng với $Cu(OH)_2$.
C. Tiến hành phản ứng tạo este của glucozơ với anhidrit axetic.
D. Khử hoàn toàn glucozơ thành hexan.

Câu 3: Cho 0,125 mol andehit mạch hở X phản ứng với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 thu được 27 gam Ag. Mặt khác, hidro hoá hoàn toàn 0,25 mol X cần vừa đủ 0,5 mol H_2 . Dãy đồng đẳng của X có công thức chung là

- A. $C_nH_{2n+1}CHO$ ($n \geq 0$). B. $C_nH_{2n}(CHO)_2$ ($n \geq 0$).
C. $C_nH_{2n-3}CHO$ ($n \geq 2$). D. $C_nH_{2n-1}CHO$ ($n \geq 2$).

Câu 4: Hỗn hợp X gồm hai axit cacboxylic đơn chức. Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol X cần 0,24 mol O_2 , thu được CO_2 và 0,2 mol H_2O . Công thức hai axit là

- A. CH_3COOH và $CH_2=CHCOOH$. B. $CH_2=CHCOOH$ và $CH_2=C(CH_3)COOH$.
C. CH_3COOH và C_2H_5COOH . D. $HCOOH$ và C_2H_5COOH .

Câu 5: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Tất cả các phản ứng của lưu huỳnh với kim loại đều cần đun nóng.
B. CrO_3 tác dụng với nước tạo ra hỗn hợp axit.
C. $Ca(OH)_2$ được dùng làm mất tính cứng vĩnh cửu của nước.
D. Trong công nghiệp, nhôm được sản xuất từ quặng dolomit.

Câu 6: Cho phản ứng: $N_2(k) + 3H_2(k) \rightleftharpoons 2NH_3(k)$; $\Delta H = -92$ kJ. Hai biện pháp đều làm cân bằng chuyển dịch theo chiều thuận là

- A. giảm nhiệt độ và tăng áp suất. B. tăng nhiệt độ và tăng áp suất.
C. tăng nhiệt độ và giảm áp suất. D. giảm nhiệt độ và giảm áp suất.

Câu 7: Hoà tan hoàn toàn 0,1 mol FeS_2 trong 200 ml dung dịch HNO_3 4M, sản phẩm thu được gồm dung dịch X và một chất khí thoát ra. Dung dịch X có thể hòa tan tối đa m gam Cu. Biết trong các quá trình trên, sản phẩm khử duy nhất của N^{+5} đều là NO. Giá trị của m là

- A. 9,6. B. 3,2. C. 12,8. D. 6,4.

Câu 8: Nguyên tố Y là phi kim thuộc chu kỳ 3, có công thức oxit cao nhất là YO_3 . Nguyên tố Y tạo với kim loại M hợp chất có công thức MY, trong đó M chiếm 63,64% về khối lượng. Kim loại M là

- A. Zn. B. Fe. C. Cu. D. Mg.

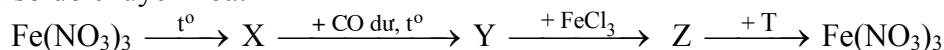
Câu 9: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai este đồng phân cần dùng 27,44 lít khí O_2 , thu được 23,52 lít khí CO_2 và 18,9 gam H_2O . Nếu cho m gam X tác dụng hết với 400 ml dung dịch NaOH 1M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thì thu được 27,9 gam chất rắn khan, trong đó có a mol muối Y và b mol muối Z ($M_Y < M_Z$). Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn. Tỷ lệ a : b là

- A. 3 : 2. B. 2 : 3. C. 4 : 3. D. 3 : 5.

Câu 10: Sục 4,48 lít khí CO_2 (đktc) vào 1 lít dung dịch hỗn hợp $Ba(OH)_2$ 0,12M và NaOH 0,06M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 13,79. B. 19,70. C. 23,64. D. 7,88.

Câu 11: Cho sơ đồ chuyển hoá:



Các chất X và T lần lượt là

- A. Fe_2O_3 và AgNO_3 .
B. FeO và AgNO_3 .
C. Fe_2O_3 và $\text{Cu(NO}_3)_2$.
D. FeO và NaNO_3 .

Câu 12: Oxi hóa 0,08 mol một ancol đơn chức, thu được hỗn hợp X gồm một axit cacboxylic, một anđehit, ancol dư và nước. Ngưng tụ toàn bộ X rồi chia làm hai phần bằng nhau. Phần một cho tác dụng hết với Na dư, thu được 0,504 lít khí H_2 (đktc). Phần hai cho phản ứng tráng bạc hoàn toàn thu được 9,72 gam Ag. Phần trăm khối lượng ancol bị oxi hoá là

- A. 40,00%.
B. 62,50%.
C. 31,25%.
D. 50,00%.

Câu 13: Khi nói về kim loại kiềm, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Kim loại kiềm có nhiệt độ nóng chảy và nhiệt độ sôi thấp.
B. Trong tự nhiên, các kim loại kiềm chỉ tồn tại ở dạng hợp chất.
C. Từ Li đến Cs khả năng phản ứng với nước giảm dần.
D. Các kim loại kiềm có màu trắng bạc và có ánh kim.

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Nguyên tử kim loại thường có 1, 2 hoặc 3 electron ở lớp ngoài cùng.
B. Các kim loại thường có ánh kim do các electron tự do phản xạ ánh sáng nhìn thấy được.
C. Trong một chu kì, bán kính nguyên tử kim loại nhỏ hơn bán kính nguyên tử phi kim.
D. Các nhóm A bao gồm các nguyên tố s và nguyên tố p.

Câu 15: Đốt cháy hoàn toàn 50 ml hỗn hợp khí X gồm trimetylamin và hai hidrocarbon đồng đẳng kế tiếp bằng một lượng oxi vừa đủ, thu được 375 ml hỗn hợp Y gồm khí và hơi. Dẫn toàn bộ Y đi qua dung dịch H_2SO_4 đặc (dư), thể tích khí còn lại là 175 ml. Các thể tích khí và hơi đo ở cùng điều kiện. Hai hidrocarbon đó là

- A. C_3H_6 và C_4H_8 .
B. C_3H_8 và C_4H_{10} .
C. C_2H_6 và C_3H_8 .
D. C_2H_4 và C_3H_6 .

Câu 16: Alanin có công thức là

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{-NH}_2$.
B. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-COOH}$.
C. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$.
D. $\text{CH}_3\text{-CH(NH}_2\text{)-COOH}$.

Câu 17: Trường hợp nào sau đây xảy ra ăn mòn điện hoá?

- A. Sợi dây bạc nhúng trong dung dịch HNO_3 .
B. Đốt lá sắt trong khí Cl_2 .
C. Thanh nhôm nhúng trong dung dịch H_2SO_4 loãng.
D. Thanh kẽm nhúng trong dung dịch CuSO_4 .

Câu 18: Cho các chất sau: FeCO_3 , Fe_3O_4 , FeS , Fe(OH)_2 . Nếu hoà tan cùng số mol mỗi chất vào dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng (dư) thì chất tạo ra số mol khí lớn nhất là

- A. Fe(OH)_2 .
B. FeS .
C. FeCO_3 .
D. Fe_3O_4 .

Câu 19: Cho hỗn hợp X gồm ancol metylic, etylen glicol và glixerol. Đốt cháy hoàn toàn m gam X thu được 6,72 lít khí CO_2 (đktc). Cũng m gam X trên cho tác dụng với Na dư thu được tối đa V lít khí H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 3,36.
B. 6,72.
C. 5,60.
D. 11,20.

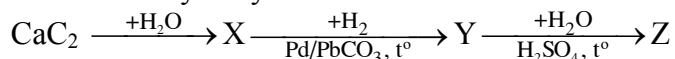
Câu 20: Thủy phân este X mạch hở có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$, sản phẩm thu được có khả năng tráng bạc. Số este X thỏa mãn tính chất trên là

- A. 4.
B. 6.
C. 3.
D. 5.

Câu 21: Cho 0,42 gam hỗn hợp bột Fe và Al vào 250 ml dung dịch AgNO_3 0,12M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X và 3,333 gam chất rắn. Khối lượng Fe trong hỗn hợp ban đầu là

- A. 0,177 gam.
B. 0,150 gam.
C. 0,123 gam.
D. 0,168 gam.

Câu 22: Cho dãy chuyển hóa sau:



Tên gọi của X và Z lần lượt là

- A. axetilen và ancol etylic.
B. etan và etanal.
C. etilen và ancol etylic.
D. axetilen và etylen glicol.

- Câu 23:** Cho 21 gam hỗn hợp gồm glyxin và axit axetic tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, thu được dung dịch X chứa 32,4 gam muối. Cho X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là
 A. 33,50. B. 44,65. C. 50,65. D. 22,35.
- Câu 24:** Cho 29 gam hỗn hợp gồm Al, Cu và Ag tác dụng vừa đủ với 950 ml dung dịch HNO₃ 1,5M, thu được dung dịch chứa m gam muối và 5,6 lít hỗn hợp khí X (đktc) gồm NO và N₂O. Tỉ khối của X so với H₂ là 16,4. Giá trị của m là
 A. 98,75. B. 97,20. C. 91,00. D. 98,20.
- Câu 25:** Este X là hợp chất thơm có công thức phân tử là C₉H₁₀O₂. Cho X tác dụng với dung dịch NaOH, tạo ra hai muối đều có phân tử khối lớn hơn 80. Công thức cấu tạo thu gọn của X là
 A. HCOOC₆H₄C₂H₅. B. C₂H₅COOC₆H₅. C. C₆H₅COOC₂H₅. D. CH₃COOCH₂C₆H₅.
- Câu 26:** Đun nóng m gam hỗn hợp gồm a mol tetrapeptit mạch hở X và 2a mol tripeptit mạch hở Y với 600 ml dung dịch NaOH 1M (vừa đủ). Sau khi các phản ứng kết thúc, cô cạn dung dịch thu được 72,48 gam muối khan của các amino axit đều có một nhóm –COOH và một nhóm –NH₂ trong phân tử. Giá trị của m là
 A. 54,30. B. 66,00. C. 44,48. D. 51,72.
- Câu 27:** Điện phân dung dịch hỗn hợp gồm 0,1 mol FeCl₃, 0,2 mol CuCl₂ và 0,1 mol HCl (điện cực trơ). Khi ở catot bắt đầu thoát khí thì ở anot thu được V lít khí (đktc). Biết hiệu suất của quá trình điện phân là 100%. Giá trị của V là
 A. 11,20. B. 22,40. C. 4,48. D. 5,60.
- Câu 28:** Đốt 16,2 gam hỗn hợp X gồm Al và Fe trong khí Cl₂ thu được hỗn hợp chất rắn Y. Cho Y vào nước dư, thu được dung dịch Z và 2,4 gam kim loại. Dung dịch Z tác dụng được với tối đa 0,21 mol KMnO₄ trong dung dịch H₂SO₄ (không tạo ra SO₂). Phần trăm khối lượng của Fe trong hỗn hợp X là
 A. 72,91%. B. 64,00%. C. 37,33%. D. 66,67%.
- Câu 29:** Đốt 5,6 gam Fe trong không khí, thu được hỗn hợp chất rắn X. Cho toàn bộ X tác dụng với dung dịch HNO₃ loãng (dư), thu được khí NO (sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch chứa m gam muối. Giá trị của m là
 A. 18,0. B. 15,6. C. 22,4. D. 24,2.
- Câu 30:** Đốt cháy hoàn toàn 20 ml hơi hợp chất hữu cơ X (chỉ gồm C, H, O) cần vừa đủ 110 ml khí O₂, thu được 160 ml hỗn hợp Y gồm khí và hơi. Dẫn Y qua dung dịch H₂SO₄ đặc (dư), còn lại 80 ml khí Z. Biết các thể tích khí và hơi đo ở cùng điều kiện. Công thức phân tử của X là
 A. C₄H₈O. B. C₃H₈O. C. C₄H₁₀O. D. C₄H₈O₂.
- Câu 31:** Các polime thuộc loại tơ nhân tạo là
 A. tơ tằm và tơ vinilon. B. tơ visco và tơ nilon-6,6.
 C. tơ nilon-6,6 và tơ capron. D. tơ visco và tơ xenlulozơ axetat.
- Câu 32:** Cho các thí nghiệm sau:
 (a) Đốt khí H₂S trong O₂ dư; (b) Nhiệt phân KClO₃ (xúc tác MnO₂);
 (c) Dẫn khí F₂ vào nước nóng; (d) Đốt P trong O₂ dư;
 (e) Khí NH₃ cháy trong O₂; (g) Dẫn khí CO₂ vào dung dịch Na₂SiO₃.
 Số thí nghiệm tạo ra chất khí là
 A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.
- Câu 33:** Cho các chất riêng biệt sau: FeSO₄, AgNO₃, Na₂SO₃, H₂S, HI, Fe₃O₄, Fe₂O₃ tác dụng với dung dịch H₂SO₄ đặc, nóng. Số trường hợp xảy ra phản ứng oxi hoá - khử là
 A. 4. B. 3. C. 6. D. 5.
- Câu 34:** Phát biểu nào sau đây là đúng?
 A. Photpho đỏ dễ bốc cháy trong không khí ở điều kiện thường.
 B. Thổi không khí qua than nung đỏ, thu được khí than ướt.
 C. Hỗn hợp FeS và CuS tan được hết trong dung dịch HCl dư.
 D. Dung dịch hỗn hợp HCl và KNO₃ hoà tan được bột đồng.
- Câu 35:** Hỗn hợp X gồm 0,15 mol vinylaxetilen và 0,6 mol H₂. Nung nóng hỗn hợp X (xúc tác Ni) một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỉ khối so với H₂ bằng 10. Dẫn hỗn hợp Y qua dung dịch brom dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng brom tham gia phản ứng là
 A. 24 gam. B. 0 gam. C. 8 gam. D. 16 gam.

Câu 36: Đun nóng m gam hỗn hợp X gồm các chất có cùng một loại nhóm chức với 600 ml dung dịch NaOH 1,15M, thu được dung dịch Y chứa muối của một axit cacboxylic đơn chức và 15,4 gam hơi Z gồm các ancol. Cho toàn bộ Z tác dụng với Na dư, thu được 5,04 lít khí H₂ (đktc). Cô cạn dung dịch Y, nung nóng chất rắn thu được với CaO cho đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 7,2 gam một chất khí. Giá trị của m là

- A. 40,60. B. 22,60. C. 34,51. D. 34,30.

Câu 37: Dẫn luồng khí CO đi qua hỗn hợp gồm CuO và Fe₂O₃ nung nóng, sau một thời gian thu được chất rắn X và khí Y. Cho Y hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch Ba(OH)₂ dư, thu được 29,55 gam kết tủa. Chất rắn X phản ứng với dung dịch HNO₃ dư thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 2,24. B. 3,36. C. 4,48. D. 6,72.

Câu 38: Số trieste khi thủy phân đều thu được sản phẩm gồm glixerol, axit CH₃COOH và axit C₂H₅COOH là

- A. 2. B. 4. C. 6. D. 9.

Câu 39: Đốt cháy hỗn hợp gồm 1,92 gam Mg và 4,48 gam Fe với hỗn hợp khí X gồm clo và oxi, sau phản ứng chỉ thu được hỗn hợp Y gồm các oxit và muối clorua (không còn khí dư). Hòa tan Y bằng một lượng vừa đủ 120 ml dung dịch HCl 2M, thu được dung dịch Z. Cho AgNO₃ dư vào dung dịch Z, thu được 56,69 gam kết tủa. Phần trăm thể tích của clo trong hỗn hợp X là

- A. 56,36%. B. 76,70%. C. 53,85%. D. 51,72%.

Câu 40: Một dung dịch gồm: 0,01 mol Na⁺; 0,02 mol Ca²⁺; 0,02 mol HCO₃⁻ và a mol ion X (bỏ qua sự điện li của nước). Ion X và giá trị của a là

- A. OH⁻ và 0,03. B. Cl⁻ và 0,01. C. CO₃²⁻ và 0,03. D. NO₃⁻ và 0,03.

II. PHẦN RIÊNG (10 câu)

Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần của phần riêng (phần A hoặc phần B)

A. Theo chương trình Chuẩn (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Để điều chế 53,46 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 60%) cần dùng ít nhất V lít axit nitric 94,5% (D = 1,5 g/ml) phản ứng với xenlulozơ dư. Giá trị của V là

- A. 24. B. 60. C. 40. D. 36.

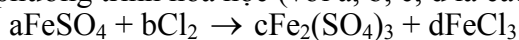
Câu 42: Có bao nhiêu chất chứa vòng benzen có cùng công thức phân tử C₇H₈O?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

Câu 43: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Clo được dùng để diệt trùng nước trong hệ thống cung cấp nước sạch.
B. Lưu huỳnh đioxit được dùng làm chất chống nấm mốc.
C. Ozon trong không khí là nguyên nhân chính gây ra sự biến đổi khí hậu.
D. Amoniac được dùng để điều chế nhiên liệu cho tên lửa.

Câu 44: Cho phương trình hóa học (với a, b, c, d là các hệ số):



Tỉ lệ a : c là

- A. 2 : 1. B. 3 : 2. C. 3 : 1. D. 4 : 1.

Câu 45: Nung nóng 46,6 gam hỗn hợp gồm Al và Cr₂O₃ (trong điều kiện không có không khí) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn. Chia hỗn hợp thu được sau phản ứng thành hai phần bằng nhau. Phần một phản ứng vừa đủ với 300 ml dung dịch NaOH 1M (loãng). Để hòa tan hết phần hai cần vừa đủ dung dịch chứa a mol HCl. Giá trị của a là

- A. 1,3. B. 1,5. C. 0,5. D. 0,9.

Câu 46: Cho axit cacboxylic X phản ứng với chất Y thu được một muối có công thức phân tử C₃H₉O₂N (sản phẩm duy nhất). Số cặp chất X và Y thỏa mãn điều kiện trên là

- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 47: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm hai hidrocarbon (tỉ lệ số mol 1 : 1) có công thức đơn giản nhất khác nhau, thu được 2,2 gam CO₂ và 0,9 gam H₂O. Các chất trong X là

- A. hai anken. B. một ankan và một ankin.
C. một anken và một ankin. D. hai ankadien.

Câu 48: Cho dãy các chất sau: toluen, phenyl fomat, fructozơ, glyxylvalin (Gly-Val), etylen glicol, triolein. Số chất bị thủy phân trong môi trường axit là

- A. 5. B. 3. C. 6. D. 4.

Câu 49: Cho m gam bột sắt vào dung dịch hỗn hợp gồm 0,15 mol CuSO_4 và 0,2 mol HCl . Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,725m gam hỗn hợp kim loại. Giá trị của m là

- A. 18,0. B. 16,0. C. 11,2. D. 16,8.

Câu 50: Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Trong môi trường kiềm, Br_2 oxi hóa CrO_2^- thành CrO_4^{2-} .
B. $\text{Cr}(\text{OH})_3$ tan trong dung dịch NaOH .
C. Trong môi trường axit, Zn khử Cr^{3+} thành Cr.
D. Photpho bốc cháy khi tiếp xúc với CrO_3 .

B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Dung dịch chất X không làm đổi màu quỳ tím; dung dịch chất Y làm quỳ tím hóa xanh. Trộn lẫn hai dung dịch trên thu được kết tủa. Hai chất X và Y tương ứng là

- A. Na_2SO_4 và BaCl_2 . B. KNO_3 và Na_2CO_3 .
C. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ và K_2SO_4 . D. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ và Na_2CO_3 .

Câu 52: Cho các chất: caprolactam (1), isopropylbenzen (2), acrylonitrin (3), glyxin (4), vinyl axetat (5). Các chất có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp tạo polime là

- A. (1), (2) và (3). B. (1), (3) và (5). C. (1), (2) và (5). D. (3), (4) và (5).

Câu 53: Cho phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$) lần lượt tác dụng với $(\text{CH}_3\text{CO})_2\text{O}$ và các dung dịch: NaOH , HCl , Br_2 , HNO_3 , CH_3COOH . Số trường hợp xảy ra phản ứng là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 54: Hidrat hóa 2-metylbut-2-en (điều kiện nhiệt độ, xúc tác thích hợp) thu được sản phẩm chính là

- A. 2-metylbutan-3-ol. B. 3-metylbutan-1-ol. C. 3-metylbutan-2-ol. D. 2-metylbutan-2-ol.

Câu 55: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm hai ancol, thu được 13,44 lít khí CO_2 (đktc) và 15,3 gam H_2O . Mặt khác, cho m gam X tác dụng với Na (dư), thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc). Giá trị của m là

- A. 15,3. B. 12,3. C. 16,9. D. 12,9.

Câu 56: Thủy phân hỗn hợp gồm 0,01 mol saccarozơ và 0,02 mol mantozơ trong môi trường axit, với hiệu suất đều là 60% theo mỗi chất, thu được dung dịch X. Trung hòa dung dịch X, thu được dung dịch Y, sau đó cho toàn bộ Y tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A. 6,480. B. 9,504. C. 7,776. D. 8,208.

Câu 57: Một mẫu khí thải được sục vào dung dịch CuSO_4 , thấy xuất hiện kết tủa màu đen. Hiện tượng này do chất nào có trong khí thải gây ra?

- A. SO_2 . B. CO_2 . C. H_2S . D. NO_2 .

Câu 58: Trường hợp nào sau đây tạo ra kim loại?

- A. Nung hỗn hợp quặng photphorit, cát và than cốc trong lò điện.
B. Nung hỗn hợp quặng apatit, đá xà vân và than cốc trong lò đứng.
C. Đốt Ag_2S trong oxi dư.
D. Đốt FeS_2 trong oxi dư.

Câu 59: Người ta điều chế H_2 và O_2 bằng phương pháp điện phân dung dịch NaOH với điện cực trơ, cường độ dòng điện 0,67A trong thời gian 40 giờ. Dung dịch thu được sau điện phân có khối lượng 100 gam và nồng độ NaOH là 6%. Nồng độ dung dịch NaOH trước điện phân là (giả thiết lượng nước bay hơi không đáng kể)

- A. 5,08%. B. 6,00%. C. 3,16%. D. 5,50%.

Câu 60: Hoà tan Au bằng nước cường toan thì sản phẩm khử là NO ; hoà tan Ag trong dung dịch HNO_3 đặc thì sản phẩm khử là NO_2 . Để số mol NO_2 bằng số mol NO thì tỉ lệ số mol Ag và Au tương ứng là

- A. 1 : 3. B. 1 : 2. C. 1 : 1. D. 3 : 1.

----- HẾT -----